

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HS-ST

Ngày: 07/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Phạm Thị Thà

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 88/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Từ Văn S, sinh năm 1995 tại tỉnh Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Từ Văn H và bà Tô Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/10/2023 đến ngày 03/11/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị C - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ: Số D T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương;

+ Anh Hồ Đình T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương;

+ Chị Phan Thị Thanh N, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn H1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ Văn S từng vượt biên sang lao động tại Trung Quốc. Theo lời khai của S, tại đây S có quen biết với người tên L1 (không xác định rõ nhân thân, lai lịch). Đầu năm 2023, S được L1 cho biết nếu giới thiệu được người sang P, Trung Quốc làm việc thì hàng tháng được chủ sử dụng lao động chi hoa hồng của mỗi lao động cho S với mức là 100 nhân dân tệ (NDT)/1 người/1 tháng (khoảng 300.000 đồng). Sinh lên mạng xã hội tìm hiểu thì liên hệ được với một người tên L2 có nick wechat là “A Long 2” (không rõ tên tuổi, địa chỉ) giới thiệu có thể bố trí đưa người từ Việt Nam trốn sang Trung Quốc theo đường vượt biên, không giấy tờ và ngược lại, chi phí khách đến điểm nào thì A L3 2 sẽ báo giá cụ thể. Sau khi liên hệ với A L3 2, S dùng Facebook “Kết hôn Trung Việt”, zalo “Hiu xklđ-visa” lập bằng số điện thoại 0352063195 của Sinh để đăng bài quảng cáo trên các hội nhóm facebook, zalo với nội dung: Tuyển người sang làm việc tại tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc, nếu ai có nhu cầu thì sẽ liên hệ với S qua Facebook.

Tháng 10/2023, chị Nguyễn Thị D và anh Hồ Đình T đều có nhu cầu sang Trung Quốc tìm việc làm, thấy bài quảng cáo của Sinh qua Facebook đã liên hệ với S (Sinh xưng tên là “Cả”) bằng số điện thoại và sau đó dùng Zalo để trao đổi về cách thức, lịch trình đi và công việc; thống nhất sang P, Trung Quốc bằng con đường vượt biên không cần giấy tờ, S bố trí công việc làm ở xưởng may ghế sofa của em S. Sinh báo chi phí với chị D và anh T tiền đi sang Trung Quốc là 8.000 NDT (tương đương 28.000.000 đồng Việt Nam), bao gồm 27.200.000 đồng là chi phí dẫn người qua biên giới V - T1 và đưa từ biên giới đến P, Trung Quốc, 800.000 đồng là tiền taxi từ bến xe mới Cao Bằng đến khu vực biên giới V1, còn xe từ Hải Dương lên đến Cao Bằng thì họ tự bắt xe, trả tiền. Sinh đã trực tiếp gặp chị Nguyễn Thị D vào chiều ngày 26/10/2023 tại thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang để trao đổi về lộ trình đi và công việc tại Trung Quốc. Sinh hẹn anh T, chị D đến trưa ngày 27/10/2023, S sẽ thuê hộ xe đón từ Hải Dương đi Cao Bằng mỗi người 2.000.000 đồng tự trả tiền cho người lái xe, chị D, anh T sẽ tạm ứng trước cho S mỗi người 1.000.000 đồng, số tiền còn lại chị D, anh T có trách nhiệm thanh toán khi đến Cao Bằng. Theo hướng dẫn của S, chị D đã chuyển khoản số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản của chị Phan Thị Thanh N (là người sống với S như vợ chồng) và T đã chuyển khoản 1.000.000 đồng cho S vào tài khoản của S (các tài khoản đều mở tại Ngân hàng N1).

Ngày 26/10/2023, S đã liên hệ với L3 bằng wechat “A Long 2” được L3 hướng dẫn đưa người đến nhà nghỉ T3 của anh Nguyễn Trung K tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng thì sẽ bố trí người dẫn vượt biên theo đường tiểu ngạch (đường rừng), rồi tiếp tục bố trí người đưa tiếp đến P, Trung Quốc, với tổng với chi phí là 6.500 NDT (tương đương khoảng 22.100.000 đồng), phải đặt cọc trước 500 NDT/người, sau khi sang bên Trung Quốc sẽ thanh toán phần còn lại. Sinh đã gọi điện cho anh Nguyễn Văn H1 (sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn C, xã

M, huyện L, tỉnh Bắc Giang) là lái xe taxi mà S quen để thỏa thuận tiền taxi Hải D1 đi Cao Bằng là 3.800.000 đồng hẹn đến trưa ngày 27/10/2023 anh H1 xuống Hải Dương đón chị D, anh T tại Hải Dương đưa đi thành phố C (tiền taxi khách sẽ tự trả, S không nói gì về việc vượt biên cho anh H1). Trưa ngày 27/10/2023, sau khi anh H1 đã đi ô tô đón chị D tại thành phố C, sau đó đi đến thị trấn L, huyện C đang đón anh T thì bị lực lượng Công an phát hiện. Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh bắt khẩn cấp đối với S.

Tại Cáo trạng số 93/CT-VKS-P2 ngày 28/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo T2 Văn Sinh tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên, tỏ thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa đồng ý tội danh, điều khoản pháp luật Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài".

1. Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 349, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 57, Điều 38, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về hình phạt: Xử phạt Tù Văn S từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

3. Về vật chứng: Tịch thu sung cho phát mại sung ngân sách Nhà nước của Tù Văn S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen.

4. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo S. Tiếp tục phong tỏa số tiền 1.083.536 đồng trong tài khoản của Tù Văn S để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tù Văn S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử xác định chị Phan Thị Thanh N là người làm chứng. Tuy nhiên sau khi xem xét hồ sơ vụ án và tranh luận tại phiên tòa thấy rằng chị N có liên quan đến số tiền 1.000.000 đồng chị đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định tư cách tham gia tố tụng của chị N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Tháng 10/2023, Từ Văn S đã có hành vi thỏa thuận chi phí, thời gian, địa điểm đi và đến, tổ chức cho chị Nguyễn Thị D và anh Hồ Đình T trốn sang Trung Quốc để lao động. Cách thức đi bằng cách vượt biên đi đường rừng, không qua cửa khẩu, không có giấy tờ hợp pháp với chi phí 28.000.000 đồng/người. Đến khoảng trưa ngày 27/10/2023, S đang tổ chức đón chị D và anh T để trốn sang Trung Quốc, khi đến địa phận huyện C, tỉnh Hải Dương thì bị phát hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại vùng biên giới. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện vì tư lợi. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố Từ Văn S tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, thuộc diện hộ nghèo, sống tại vùng đặc biệt khó khăn; bố đẻ bị cáo có tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước bị thương, tuy không được xác định là thương binh nhưng có đóng góp một phần xương máu cho cách mạng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo chưa đưa được người trốn sang Trung Quốc nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 57 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt. Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo đã thu của chị D, anh T mỗi người 1.000.000 đồng để tổ chức trốn sang nước ngoài. Đây là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Quá trình điều tra, chị Phan Thị

Thanh N đã tự nguyện nộp lại 1.000.000 đồng nên cần tiếp tục tịch thu 1.000.000 đồng của bị cáo để sung ngân sách Nhà nước. Cơ quan điều tra đã phong tỏa 01 tài khoản của Sinh nên cần tiếp tục phong tỏa tài khoản này để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Về vật chứng: Đối với điện thoại bị thu giữ của S, đây là điện thoại bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết tội nhưng là người dân tộc thiểu số có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Những vấn đề khác:

[9.1] Trong vụ án này S khai còn có đối tượng tên L3, L1 tham gia, tuy nhiên không xác định được nhân thân, lý lịch, địa chỉ của các đối tượng nên không có căn cứ xử lý, khi nào có đủ căn cứ sẽ tiếp tục xử lý sau.

[9.2] Đối với anh Đoàn Trung K1 chủ nhà nghỉ T3 ở Cao Bằng không biết về hành vi của S, không có căn cứ liên quan đến đối tượng L3; anh Nguyễn Văn H1 lái xe thuê cho S chở chị D, anh T từ Hải Dương lên Cao Bằng nhưng không biết để làm gì; chị Phan Thị Thanh N được S nhờ tài khoản để chị D chuyển tiền vào, không biết S đưa anh T, chị D trốn đi nước ngoài nên không đồng phạm với S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về căn cứ pháp luật: Căn cứ khoản 1 Điều 349, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 57, Điều 38, Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Từ Văn S phạm tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài".

3. Về hình phạt: Xử phạt Từ Văn S 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28/10/2023.

4. Về vật chứng: Tịch thu của Từ Văn S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen cho phát mại sung ngân sách Nhà nước (Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/01/2024 giữa Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương).

5. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu của Từ Văn S 2.000.000 (Hai triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước; đối trừ với số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng do chị Phan Thị Thanh N tự nguyện giao nộp cho bị cáo hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054177 mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh H của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (theo Quyết định số 32/QĐ-CAT(PA09) ngày 05/01/2024 của Công an tỉnh H), tiếp tục tịch thu của bị cáo S 1.000.000 (Một triệu) đồng. Tiếp tục phong tỏa số tiền 1.083.536 (*Một triệu không trăm tám mươi ba nghìn năm trăm ba mươi sáu*) đồng trong tài khoản số 2510281025106 mở tại Ngân hàng A chủ tài khoản Từ Văn S (Theo lệnh phong tỏa số 1097/LPT-ANĐT ngày 11/12/2023 và biên bản phong tỏa tài khoản ngày 13/12/2023 của Cơ quan an ninh điều tra - Công an tỉnh H) để đảm bảo cho thi hành án.

6. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Từ Văn S.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về các nội dung liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan ANĐT - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu